

Số: /TB-QLTTCB

Cao Bằng, ngày tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO
LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản 01/2016/QH được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-QLTTCB ngày 07/01/2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; Biên bản xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 11050011/BB-XĐGT ngày 24/12/2024 của Đội Quản lý thị trường số 5; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11000015/QĐ-XPHC ngày 30/12/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-QLTTCB ngày 04/02/2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; Biên bản kiểm tra số 11020157/BB-KT ngày 25/12/2024 của Đội Quản lý thị trường số 2; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11020047/QĐ-XPHC ngày 25/12/2024 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 2; Biên bản kiểm tra số 11020156/BB-KT ngày 24/12/2024 của Đội Quản lý thị trường số 2; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11020046/QĐ-XPHC ngày 25/12/2024 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 2; Biên bản kiểm tra số 11020155/BB-KT ngày 24/12/2024 của Đội Quản lý thị trường số 2; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11020045/QĐ-XPHC ngày 24/12/2024 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 2;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-QLTTCB ngày 04/02/2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; Biên bản xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 11050013/BB-XĐGT ngày 24/12/2024 của Đội

Quản lý thị trường số 5; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11050029/QĐ-XPHC ngày 26/12/2024 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 5;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-QLTTCB ngày 08/01/2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; Biên bản kiểm tra số 11040084/BB-KT ngày 26/12/2024 của Đội Quản lý thị trường số 4; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11040043/QĐ-XPHC ngày 26/12/2024 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 4;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-QLTTCB ngày 05/02/2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; Biên bản xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 11050012/BB-XĐGT ngày 24/12/2024 của Đội Quản lý thị trường số 5; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11000016/QĐ-XPHC ngày 30/12/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-QLTTCB ngày 05/02/2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; Biên bản xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 11050010/BB-XĐGT ngày 11/12/2024 của Đội Quản lý thị trường số 5; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1785/QĐ-XPHC ngày 17/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-QLTTCB ngày 05/02/2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; Biên bản xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 11020011/BB-XĐGT ngày 10/12/2024 của Đội Quản lý thị trường số 2; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11000014/QĐ-XPHC ngày 13/12/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng;

Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng thông báo công khai việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá

- Tên người có tài sản đấu giá: Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng.
- Địa chỉ: đường Pác Bó, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá

Có biểu chi tiết kèm theo.

3. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản

Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản tham gia phải đáp ứng tất cả các tiêu chí sau (*Có Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản kèm theo thông báo này*):

(1) Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

(2) Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

(3) Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

(4) Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

(5) Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày 06/02/2025 đến hết ngày 10/02/2025 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng

- Địa chỉ: đường Pác Bó, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Số điện thoại: 0916.161.484

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp 01 bộ hồ sơ tham gia lựa chọn bằng bản giấy hoặc bản sao điện tử theo thông báo này.

Hồ sơ gửi trực tiếp có ký nhận của bộ phận nhận hồ sơ trong thời gian nêu trên hoặc theo đường Bưu điện (được tính theo dấu bưu điện trước 17 giờ 00 phút của ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký);

5. Yêu cầu đối với hồ sơ chứng minh đáp ứng các tiêu chí trên của Tổ chức đấu giá gồm:

(1) Đơn đăng ký tham gia tổ chức phiên đấu giá;

(2) Hồ sơ năng lực (đóng quyển);

(3) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (đóng quyển).

Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản: Đơn vị có tài sản sẽ gửi thông báo đến Tổ chức đấu giá được lựa chọn. Tổ chức đấu giá không nhận được thông báo là tổ chức đấu giá không được lựa chọn, hồ sơ gửi đăng ký tham gia không được hoàn trả lại.

Đơn vị có tài sản thông báo để các Tổ chức đấu giá biết và đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Cục Quản lý thị trường;
- Đăng tải Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Đặng Thị Huyền

BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(kèm theo Thông báo số: /TB-QLTTTCB ngày 06 tháng 02 năm 2025
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ Sơ đấu giá	1,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
4.	<p>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</p> <p>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây: Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.</p>	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10%) trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: số điểm của B = (U x 3)/Y	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10%) trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của c = (V x 3)/Y	
5.	<p>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	<p>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	<p>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>	4,0
7.7	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	<p>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
9.	<p>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	<p>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá</p> <p>Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản</p>	2,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá	2,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Cao Bằng, không bao gồm trụ sở chi nhánh (Để đảm bảo công tác giám sát tổ chức cuộc đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản)	4,0
Tổng số điểm		100

BẢNG PHỤ LỤC TÀI SẢN BÁN ĐẦU GIÁ

(Kèm theo Thông báo số /TB-QLTTCB ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Cục Quản lý thị trường Cao Bằng)

1. Lô tài sản số 1

STT	Tên hàng hóa	Chủng loại, xuất xứ, số đăng ký	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Lá cây thuốc lá đã sấy khô, chưa tách cọng	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Kg	253	59.000	14.927.000	
Tổng						14.927.000	

2. Lô tài sản số 2

STT	Tên hàng hóa	Chủng loại, xuất xứ, số đăng ký	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Máy bơm NF PUMP QDX3-40-0.75 0.75kW	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	02	1.200.000	2.400.000	
2	Máy bơm NF PUMP 25QDX3-40-0.75 0.75kw	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	01	1.200.000	1.200.000	
3	Máy bơm MINGFENG QGD1.8-100-0.75 0.75kW	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	03	1.000.000	3.000.000	
4	Ấm siêu tốc SM04 1.8L	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	23	55.000	1.265.000	
5	Nồi cơm điện 900W	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	01	360.000	360.000	
6	Nồi cơm điện Eaststar 1200W	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	01	410.000	410.000	

7	Nồi cơm điện Eaststar 400W	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	01	240.000	240.000	
8	Nồi hấp loại 30cm	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	02	200.000	400.000	
9	Ấm điện 1500W	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	03	200.000	600.000	
10	Kính mắt	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	10	20.000	200.000	
Tổng						10.075.000	

3. Lô tài sản số 3

STT	Tên hàng hóa	Chủng loại, xuất xứ, số đăng ký	Đơn vị tính	Số lượng	Giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Lá cây thuốc lá đã sấy khô chưa tách cọng	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Kg	396	40.000	15.840.000	
Tổng						15.840.000	

4. Lô tài sản số 4

STT	Tên hàng hóa	Chủng loại, xuất xứ, số đăng ký	Đơn vị tính	Số lượng	Giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Lá cây thuốc lá đã sấy khô chưa tách cọng	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Kg	1833	50.000	91.650.000	
Tổng						91.650.000	

5. Lô tài sản số 5

STT	Tên hàng hóa	Chủng loại, xuất xứ, số đăng ký	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Áo gió	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	04	150.000	600.000	
2	Áo ni	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	03	100.000	300.000	
3	Quần ni	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	09	50.000	450.000	
4	Áo cộc tay	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	02	80.000	160.000	
5	Áo dài tay	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	01	120.000	120.000	
6	Quần bò	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	01	200.000	200.000	
7	Bộ Quần áo dài tay nam	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Bộ	01	550.000	550.000	
8	Giày nữ	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Đôi	02	200.000	400.000	
9	Đép quai hậu nữ	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Đôi	01	150.000	150.000	
10	Đép sục nữ	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Đôi	03	180.000	540.000	
Tổng						3.470.000	

6. Lô tài sản số 6

STT	Tên hàng hóa	Chủng loại, xuất xứ, số đăng ký	Đơn vị tính	Số lượng	Giá	Thành tiền	Ghi chú
-----	--------------	---------------------------------	-------------	----------	-----	------------	---------

1	Lá cây thuốc lá đã sấy khô chưa tách cọng	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Kg	903	40.000	36.120.000	
Tổng						36.120.000	

7. Lô tài sản số 7

STT	Tên hàng hóa	Chủng loại, xuất xứ, số đăng ký	Đơn vị tính	Số lượng	Giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Vải may mặc	Vải cuộn có màu đen, kích thước mỗi cuộn rộng 40 cm, dài 20m; Sản xuất ngoài Việt Nam	Cuộn	40	170.000	6.800.000	Hàng mới
Tổng						6.800.000	